

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 11 tháng 6 năm 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Quang Dương;
- Ông Nguyễn Gia Khải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04A/2024/QĐXX-DS ngày 17/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1985
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
Nơi cư trú: Buôn Kla, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trịnh Công H, sinh năm 1982
Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình
- Bị đơn: Chị Đào Thu D1, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(Anh H có mặt; Vắng mặt chị D, chị D1)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Trịnh Thị D, người đại diện theo ủy quyền anh T công Hữu có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa:

Ngày 12/10/2019 chị Đ Thu Dung có vay của chị Trịnh Thị D với số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất cho vay là 1%/tháng

(tương đương 2.500.000 đồng/tháng), thời hạn vay kể từ ngày 12/10/2019. Chị D1 đã nhận tiền và ký vào giấy mượn tiền, việc vay tiền là của cá nhân chị Đào Thu D1, không liên quan đến anh D2 (chồng chị D1). Trong năm đầu chị D1 đã thanh toán cho chị D tính đến ngày 12/10/2020 là 30.000.000 đồng tiền lãi, còn số nợ gốc chưa thanh toán khoản tiền nào. Trong năm 2022 chị D1 đã 3 lần trả chị D với tổng số tiền 210.000.000 đồng (trong đó gốc là: 149.932.798, lãi là 60.067.202 đồng) cụ thể như sau:

- Lần 1 ngày 20/6/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 60.000.000 đồng (2 lần chuyển khoản 50.000.000 đồng và 10.000.000 đồng). Trong đó trả tiền lãi là 50.583.333 đồng (lãi của 20 tháng 07 ngày), tiền gốc là 9.416.667 đồng. Nợ gốc còn lại là 240.583.333 đồng.

- Lần 2 ngày 22/8/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 100.000.000 đồng. Trong đó trả tiền lãi là 4.971.666 đồng (lãi của 02 tháng 02 ngày), tiền gốc là 95.028.334 đồng. Nợ gốc còn lại là 145.554.999 đồng.

- Lần 3 ngày 26/11/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 50.000.000 đồng. Trong đó trả tiền lãi là 4.512.203 đồng (lãi của 03 tháng 03 ngày), tiền gốc là 45.487.797 đồng. Nợ gốc còn lại là 100.067.202 đồng.

Tính đến ngày xét xử 11/6/2024 chị D1 còn nợ chị D với tổng số tiền **118.579.634 đồng**, trong đó gốc là 100.067.202 đồng, lãi là 18.512.432 đồng (lãi của 18 tháng 15 ngày).

Nay chị D yêu cầu chị Đ Thu D1 phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 11/6/2024 là **118.579.634 đồng**, trong đó gốc là 100.067.202 đồng, lãi là 18.512.432 đồng (lãi của 18 tháng 15 ngày).

Tại biên bản lấy lời khai của chị Đ Thu D1 có sự chứng kiến của anh Đào Thế D3, sinh năm 1976 địa chỉ thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là anh Trai chị D1) và cơ sở thôn T, xã Q thì chị Đào Thu D1 trình bày:

Chị D1 có quan hệ họ hàng với chị Trịnh Thị D. Ngày 12/10/2019 chị Đ Thu D1 có vay của chị Trịnh Thị D với số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất cho vay là 1%/tháng (tương đương 2.500.000 đồng/tháng), thời hạn vay kể từ ngày 12/10/2019, đây là khoản nợ riêng của chị D1. Chị D1 đã nhận tiền và ký vào giấy mượn tiền. Quá trình vay thì chị D1 đã thanh toán cho chị D số tiền lãi tính đến ngày 12/10/2020 là 30.000.000 đồng. Trong năm 2022 chị D1 đã 3 lần trả chị D với tổng số tiền 210.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Lần 1 ngày 20/6/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 60.000.000 đồng.
- Lần 2 ngày 22/8/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 100.000.000 đồng.
- Lần 3 ngày 26/11/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 50.000.000 đồng.

Nay chị D yêu cầu chị D1 phải trả số tiền nợ còn thiếu thì quan điểm của chị D1 là chị nhận sẽ trả chị D số tiền còn thiếu, tuy nhiên chị đề nghị chị D tính lại số nợ gốc và lãi còn lại theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị D1 đi lao động tự

do không có định địa chỉ, chị vẫn thường xuyên liên lạc với anh trai chị là anh Đào Thế Dương. Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị. Hiện tại chị và chồng chị là anh Trịnh Công D4 đã ly thân từ lâu.

Tại biên bản xác minh với gia đình anh Trịnh Công D4 (là chồng chị Đào Thu D1) thể hiện: Anh Trịnh Công D4 và chị Đ Thu D1 là vợ chồng. gia đình anh D4 không biết việc chị D1 vay tiền chị D, khoảng 3 năm nay vợ chồng chị D1, anh D4 làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần. Hiện chị D1, anh D4 đi lao động tự do, gia đình không biết địa chỉ của anh chị.

Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn H, xã A thể hiện: Anh Trịnh Công D4 và chị Đ Thu D1 là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã A. Đối với khoản nợ của chị D1 thì cơ sở thôn không nắm được. Hiện chị D1, anh D4 đi lao động tự do không có mặt tại địa phương.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Đào Thu D1 có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trịnh Thị D số tiền là **118.579.634 đồng**, trong đó gốc là 100.067.202 đồng, lãi là 18.512.432 đồng (lãi của 18 tháng 15 ngày). Đồng thời buộc chị Đ Thu Dung phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chị Trịnh Thị D khởi kiện chị Đ Thu Dung trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Đào Thu D1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D1 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án: [2.1] Về yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị D: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị D, bản tự khai của anh Trịnh Công H, lời khai của chị Đ Thu D1 cùng với các tài liệu chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 12/10/2019 (bản gốc) do chị D nộp có đủ cơ sở xác định: Giữa chị Trịnh Thị D và chị Đào Thu

D1 có quan hệ họ hàng quen biết. Quá trình giải quyết vụ án chị D, chị D1 đều xác định đến ngày 12/10/2020 chị D1 đã trả lãi chị D là 30.000.000 đồng tiền lãi. Trong năm 2022 chị D1 đã 3 lần trả chị D với tổng số tiền 210.000.000 đồng (Lần 1 ngày 20/6/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 60.000.000 đồng; Lần 2 ngày 22/8/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 100.000.000 đồng; Lần 3 ngày 26/11/2022 chị D1 chuyển khoản trả chị D 50.000.000 đồng). Đây là nợ riêng của chị D Thu D1 không liên quan gì đến chồng chị D1 là anh Trịnh Công D4. Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định: Tính đến ngày xét xử 11/6/2024, chị D Thu D1 còn nợ chị Trịnh Thị D số tiền là **118.579.634 đồng**, trong đó gốc là 100.067.202 đồng, lãi là 18.512.432 đồng (lãi của 18 tháng 15 ngày).

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của chị Trịnh Thị D: Chị Trịnh Thị D yêu cầu chị Đào Thu D1 có nghĩa vụ trả 1 lần số tiền **118.579.634 đồng**. Chị Đào Thu D1 đồng ý trả nhưng do kinh tế khó khăn xin trả dần. Việc yêu cầu trả dần của chị D1 không được chị D5, anh H chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị D Thu D1 có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị D số tiền là **118.579.634 đồng**, trong đó gốc là 100.067.202 đồng, lãi là 18.512.432 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị D được Tòa án chấp nhận nên chị Đào Thu D1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. H1 lại chị D số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị D.
2. Buộc chị Đào Thu D1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trịnh Thị D số tiền là **118.579.634 đồng** (*một trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng*), trong đó gốc là 100.067.202 đồng, lãi là 18.512.432 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 11/6/2024 cho đến khi thi hành bản án xong tất cả các khoản tiền, chị D Thu D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: chị Đào Thu D1 phải chịu 5.929.000 đồng (*Năm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Hoàn trả 3.525.000 đồng (*ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho chị Trịnh Thị D (anh T Công Hữu nộp thay) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004504 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trịnh Công H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị D, Đào Thu D1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh